

Số: 1756/TB-BVPSTG

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc mời Nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất
Gói mua sắm: Mua lavabo inox cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

Kính gửi: Các Nhà cung cấp quan tâm.

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08/4/2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Tờ trình số 1717/TTr-BVPSTG ngày 18/8/2026 của Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn về việc phê duyệt chủ trương mua lavabo inox cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 1738/BC-BVPSTG ngày 20/8/2026 của Phòng Tổ chức - Hành chính về việc thẩm định chủ trương mua lavabo inox cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-BVPSTG ngày 21/8/2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt chủ trương mua lavabo inox cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật - gia công lavabo inox hai bồn rửa, mã hồ sơ LVB-2500-02B, Rev. 02 ngày 19/8/2026, đính kèm Thông báo này;

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng mời các Nhà cung cấp có khả năng cung cấp, gia công, giao hàng và lắp đặt lavabo inox theo yêu cầu nộp Hồ sơ đề xuất, với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ GÓI MUA SẮM

- Bên mua sắm: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.
- Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại: 02733 887 160. Mã số thuế: 1200530091.
- Tên gói mua sắm: Mua lavabo inox cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Đơn vị đề xuất, trực tiếp sử dụng: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Số lượng: 02 cái/bộ lavabo inox; mỗi cái/bộ gồm 02 bồn rửa và mặt bàn thao tác theo Hồ sơ thiết kế đính kèm.
- Phương án chia phần: Không áp dụng; gói mua sắm thực hiện theo một

phần duy nhất.

8. Nguồn tài chính thực hiện: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện; không sử dụng ngân sách nhà nước.

9. Phương thức mua sắm: Thực hiện theo Điều 16 Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm ban hành kèm Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08/4/2026.

10. Thời hạn thực hiện chủ trương: hoàn thành việc mua sắm, giao nhận, lắp đặt, nghiệm thu chậm nhất ngày 10/9/2026.

II. DANH MỤC, YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG ÁN BÁO GIÁ

1. Danh mục hàng hóa cần mua

Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chung
Lavabo inox hai bồn rửa kèm mặt bàn thao tác cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cái/Bộ	02	Gia công, vận chuyển, lắp đặt hoàn chỉnh theo Hồ sơ thiết kế kỹ thuật - gia công lavabo inox hai bồn rửa, mã hồ sơ LVB-2500-02B, Rev. 02 ngày 19/8/2026, đính kèm Thông báo này.

2. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản

a) Kích thước tổng thể mỗi lavabo: dài 2.500 mm, rộng 600 mm, cao mặt bàn 850 mm; chân tăng chỉnh cho phép cân bằng khoảng ± 20 mm.

b) Mỗi lavabo gồm 02 bồn rửa sâu; kích thước lọt lòng mỗi bồn 700 x 500 x 400 mm; hai bồn cách nhau 200 mm; mặt bàn thao tác bên phải có chiều dài hữu ích 800 mm.

c) Gờ chắn nước cao 40 mm chạy liên tục cạnh sau và hai cạnh đầu; mép trước và các đầu tấm gấp kín, bo an toàn R3-R5; bề mặt xước No.4, dễ vệ sinh, phù hợp môi trường y tế.

d) Khung xương hở phía dưới, có khung viền, chân đứng, xương dọc dưới phía trước, xương dọc dưới phía trong, xương ngang trước - sau và khung phụ đỡ bồn; không bố trí tấm đáy hoặc tủ kín bên dưới.

đ) Bộ xả bồn, ống và phụ kiện thoát nước phải phù hợp hiện trường, có khớp tháo được để vệ sinh; thử kín và thử thoát đạt yêu cầu trước khi nghiệm thu.

e) Không được sử dụng inox 201 hoặc vật liệu mạ để thay thế inox đã chào. Nhà cung cấp phải ghi rõ loại inox sử dụng cho từng cấu kiện và chịu trách nhiệm về chất lượng, độ dày, vật liệu đã cam kết.

g) Trước khi gia công, Nhà cung cấp được lựa chọn phải khảo sát vị trí lắp đặt, xác nhận kích thước thực tế, cao độ cấp - thoát nước, vị trí vòi, lối vận chuyển và các điều kiện lắp đặt tại hiện trường.

3. Yêu cầu nộp 02 phương án báo giá

Nhà cung cấp bắt buộc nộp đồng thời 02 bản báo giá riêng cho từng danh mục, số lượng và thiết kế nêu trên, gồm:

Phương án	Nội dung báo giá bắt buộc	Ghi chú
Phương án 1	Báo giá lavabo inox theo độ dày 1,5 ly (1,5 mm). Nhà cung cấp ghi rõ loại inox sử dụng cho mặt bàn, thành/đáy bồn, gờ chắn, khung/xương và phụ kiện.	Bệnh viện dùng để so sánh giá, độ bền, khả năng sử dụng và hiệu quả tổng thể.
Phương án 2	Báo giá lavabo inox theo độ dày 1,2 ly (1,2 mm), bám theo Hồ sơ thiết kế đính kèm; Nhà cung cấp ghi rõ loại inox sử dụng cho mặt bàn, thành/đáy bồn, gờ chắn, khung/xương và phụ kiện.	Bệnh viện dùng để so sánh giá, độ bền, khả năng sử dụng và hiệu quả tổng thể.

Bệnh viện sẽ xem xét, đánh giá từng phương án báo giá trên cơ sở đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiến độ, bảo hành và giá chào. Sau khi có kết quả đánh giá, Bệnh viện lựa chọn một phương án phù hợp để thương thảo, trình phê duyệt và ký hợp đồng.

III. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

1. Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương hợp lệ; có ngành nghề phù hợp với việc kinh doanh, gia công, cung cấp, lắp đặt sản phẩm inox, cơ khí inox, thiết bị/bồn rửa/lavabo hoặc hàng hóa tương tự.

2. Có khả năng khảo sát, gia công, vận chuyển, lắp đặt hoàn chỉnh tại Bệnh viện theo bản vẽ, yêu cầu kỹ thuật và tiến độ của Thông báo.

3. **Nộp đủ 02 bản báo giá** cho hai phương án độ dày 1,5 ly và 1,2 ly; giá chào phải bao gồm toàn bộ chi phí để bàn giao, lắp đặt và nghiệm thu hoàn chỉnh.

4. Cam kết hoàn thành gia công, giao hàng, lắp đặt và bàn giao đưa vào sử dụng trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

5. Cam kết bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng; khắc phục các lỗi do vật liệu, gia công, mối hàn, lắp đặt, rò rỉ, thoát nước hoặc lỗi kỹ thuật thuộc trách nhiệm của Nhà cung cấp.

6. Không yêu cầu Nhà cung cấp phải có hợp đồng tương tự. Nếu Nhà cung cấp có tài liệu chứng minh kinh nghiệm, có thể nộp kèm để Bệnh viện tham khảo, nhưng đây không phải là điều kiện bắt buộc.

7. Bệnh viện không yêu cầu bảo lãnh dự thầu, không yêu cầu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và không thực hiện tạm ứng đối với gói mua sắm này.

IV. HỒ SƠ ĐỀ XUẤT CỦA NHÀ CUNG CẤP

Nhà cung cấp nộp 01 bộ Hồ sơ đề xuất, gồm các tài liệu sau:

Stt	Thành phần hồ sơ	Yêu cầu
1	Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá	Theo mẫu tại Phụ lục I; phải có đủ 02 báo giá riêng cho phương án inox dày 1,5 ly và phương án inox dày 1,2 ly.

2	Hồ sơ pháp lý của Nhà cung cấp	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương; có ngành nghề phù hợp theo Mục III.
3	Tài liệu mô tả kỹ thuật, vật liệu	Ghi rõ loại inox, độ dày, quy cách, cấu tạo, phụ kiện, phương án gia công và lắp đặt; có thể kèm catalogue, hình ảnh, bản vẽ triển khai hoặc mô tả tương đương.
4	Cam kết tiến độ	Cam kết hoàn thành từ khi ký hợp đồng đến khi lắp đặt, bàn giao xong không quá 07 ngày.
5	Cam kết chất lượng, bảo hành	Cam kết bảo đảm đúng vật liệu, độ dày, kích thước, mối hàn, độ kín, thoát nước, độ ổn định và bảo hành tối thiểu 12 tháng.
6	Tài liệu khác nếu có	Tài liệu chứng minh năng lực gia công, hình ảnh sản phẩm, kinh nghiệm, chứng từ vật liệu hoặc thông tin kỹ thuật khác.

Hồ sơ đề xuất phải được ký, đóng dấu hợp lệ. Hồ sơ nộp sau thời hạn quy định hoặc không có đủ 02 báo giá bắt buộc sẽ không được xem xét, trừ trường hợp Bệnh viện có văn bản gia hạn hoặc yêu cầu làm rõ.

V. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

1. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá được thực hiện theo từng phương án báo giá độ dày 1,5 ly và 1,2 ly; mỗi phương án được so sánh độc lập để Bệnh viện lựa chọn phương án có hiệu quả kinh tế - kỹ thuật phù hợp nhất.

Bệnh viện chỉ xem xét chấm điểm đối với Nhà cung cấp đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt buộc. Trọng tâm đánh giá đối với gói mua sắm này là giá, trên cơ sở hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu, tiến độ và bảo hành.

Bệnh viện có quyền yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ hồ sơ, nhưng việc làm rõ không được làm thay đổi bản chất hàng hóa, độ dày, vật liệu, giá chào hoặc nội dung cơ bản đã đề xuất.

2. Điều kiện bắt buộc

a) Có tư cách pháp lý hợp lệ và ngành nghề phù hợp với hàng hóa/gia công/lắp đặt sản phẩm inox hoặc hàng hóa tương tự.

b) Nộp đủ 02 báo giá riêng cho phương án inox dày 1,5 ly và phương án inox dày 1,2 ly.

c) Cam kết hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu và Hồ sơ thiết kế đính kèm; không sử dụng inox 201 hoặc vật liệu mạ để thay thế vật liệu đã chào.

d) Cam kết hoàn thành gia công, giao hàng, lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng không quá 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

e) Cam kết bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

f) Giá chào hợp lệ, đã bao gồm thuế, phí, vận chuyển, lắp đặt, phụ kiện, vật tư, nhân công, khảo sát và toàn bộ chi phí để bàn giao sản phẩm hoàn chỉnh tại Bệnh viện.

Nhà cung cấp không đáp ứng một trong các điều kiện bắt buộc nêu trên thì không được đưa vào chấm điểm chi tiết.

3. Thang điểm đánh giá chi tiết

Stt	Nhóm tiêu chí	Điểm tối đa	Cách đánh giá
1	Giá chào	70 điểm	Điểm giá = (Giá thấp nhất hợp lệ của phương án đang xét / Giá của Nhà cung cấp đang xét) x 80. Điểm giá không vượt quá 70 điểm.
2	Mức độ đáp ứng kỹ thuật, vật liệu, cấu tạo	20 điểm	Đáp ứng đầy đủ, rõ ràng yêu cầu kỹ thuật, ghi rõ vật liệu, độ dày, cấu tạo, phụ kiện, phương án gia công, lắp đặt: 20 điểm; đáp ứng cơ bản nhưng còn nội dung cần làm rõ: 10 điểm; không rõ hoặc không có tài liệu/cam kết: 00 điểm.
3	Tiến độ, bảo hành và điều kiện thực hiện	10 điểm	Cam kết hoàn thành không quá 07 ngày, bảo hành tối thiểu 12 tháng, giá bao gồm lắp đặt hoàn chỉnh, không tạm ứng, chấp nhận thanh toán sau nghiệm thu: 10 điểm; cam kết chưa đầy đủ nhưng không vi phạm điều kiện bắt buộc: 5 điểm; không có cam kết: 0 điểm.
	Tổng cộng	100 đ	

4. Xếp hạng và lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét lựa chọn là Nhà cung cấp đáp ứng điều kiện bắt buộc, có tổng điểm cao nhất đối với phương án được Bệnh viện lựa chọn và có giá chào hợp lý so với mặt bằng thị trường, khả năng cân đối kinh phí của Bệnh viện.

Trường hợp có từ hai Nhà cung cấp trở lên có tổng điểm bằng nhau, ưu tiên Nhà cung cấp có giá chào thấp hơn; nếu vẫn bằng nhau thì ưu tiên phương án có vật liệu, độ dày, cấu tạo, bảo hành hoặc điều kiện lắp đặt thuận lợi hơn cho Bệnh viện.

Trường hợp chỉ có 01 Nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất, Bệnh viện vẫn xem xét lựa chọn nếu hồ sơ đáp ứng điều kiện bắt buộc, giá chào hợp lý và phù hợp nhu cầu thực tế.

VI. THỜI HẠN, HÌNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ

1. Thời hạn nộp Hồ sơ đề xuất: **trước 11 giờ 00, ngày 27 tháng 8 năm 2026.**

2. Hình thức nộp: nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính; hồ sơ phải được đóng gói, dán kín, ghi rõ tên gói mua sắm và tên Nhà cung cấp.

3. Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Tổ chức - Hành chính (bộ phận văn thư), Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, Đồng Tháp.

4. Khảo sát hiện trường: Nhà cung cấp được liên hệ Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn để khảo sát vị trí lắp đặt, cao độ cấp - thoát nước, vị trí vòi, lối vận chuyển và kích thước thực tế trước khi nộp Hồ sơ đề xuất. Việc không khảo sát không được xem là lý do để điều chỉnh giá sau khi ký hợp đồng.

5. Nhà cung cấp tự chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp Hồ sơ đề xuất. Bệnh viện không hoàn trả chi phí này trong mọi trường hợp.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP VÀ CỦA BỆNH VIỆN

1. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ thông tin, tài liệu trong Hồ sơ đề xuất; chịu trách nhiệm về chất lượng, vật liệu, độ dày, kích thước, cấu tạo, tiến độ, bảo hành và giá chào của hàng hóa.

2. Nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện đúng Hồ sơ đề xuất, báo giá, bản vẽ thiết kế đính kèm, kết quả thương thảo và hợp đồng đã ký; không được tự ý thay đổi vật liệu, độ dày, kích thước, cấu tạo hoặc phụ kiện khi chưa được Bệnh viện chấp thuận bằng văn bản.

3. Bệnh viện tổ chức tiếp nhận, đánh giá hồ sơ theo tiêu chí tại Thông báo này; căn cứ kết quả đánh giá, nhu cầu thực tế, giá chào và khả năng cân đối kinh phí để trình Giám đốc Bệnh viện xem xét, quyết định lựa chọn Nhà cung cấp hoặc không lựa chọn nếu hồ sơ không đáp ứng yêu cầu.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông báo này được phổ biến rộng rãi để các Nhà cung cấp quan tâm tham gia nộp Hồ sơ đề xuất. Trong quá trình thực hiện, Nhà cung cấp liên hệ Phòng Tổ chức - Hành chính (bộ phận văn thư) để nộp Hồ sơ đề xuất; liên hệ Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn để khảo sát hiện trường và trao đổi nội dung kỹ thuật liên quan đến vị trí lắp đặt lavabo inox.

Phụ lục kèm theo:

- Phụ lục I: Mẫu Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá.
- Phụ lục II: Dự thảo Hợp đồng mua lavabo inox.
- Phụ lục III: Hồ sơ thiết kế kỹ thuật - gia công lavabo inox hai bồn rửa, mã hồ sơ LVB-2500-02B, Rev. 02 ngày 19/8/2026./.

Nơi nhận:

- Phổ biến rộng rãi;
- Trang thông tin điện tử Bệnh viện;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC

Phụ lục I**MẪU VĂN BẢN NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ BÁO GIÁ**

(Kèm theo Thông báo mời Nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất)

[TÊN NHÀ CUNG CẤP] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2026

VĂN BẢN NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ BÁO GIÁ**Kính gửi: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.**

Sau khi nghiên cứu Thông báo mời Nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất, Hồ sơ thiết kế đính kèm và Dự thảo hợp đồng gói mua sắm: Mua lavabo inox cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, chúng tôi nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

1. Tên Nhà cung cấp:
2. Địa chỉ trụ sở:
3. Mã số thuế:
4. Điện thoại: Email:
5. Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
6. Tài khoản số: tại Ngân hàng:

II. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương; tài liệu thể hiện ngành nghề phù hợp.
2. Tài liệu mô tả kỹ thuật, vật liệu, độ dày, cấu tạo, phụ kiện, phương án gia công và lắp đặt.
3. Cam kết tiến độ, chất lượng, bảo hành và các tài liệu khác nếu có.

III. BÁO GIÁ PHƯƠNG ÁN 1 - INOX DÀY 1,5 LY

Stt	Tên hàng hóa	Vật liệu/độ dày chào	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Lavabo inox hai bồn rửa kèm mặt bàn thao tác cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Mặt/bồn/gờ chắn:; khung/xương:; độ dày: 1,5 mm	Cái/Bộ	02		
Tổng cộng phương án 1						

Bằng chữ:

IV. BÁO GIÁ PHƯƠNG ÁN 2 - INOX DÀY 1,2 LY

Stt	Tên hàng hóa	Vật liệu/độ dày chào	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Lavabo inox hai bồn rửa kèm mặt bàn thao tác cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Mặt/bồn/gờ chắn:; khung/xương:; độ dày: 1,2 mm	Cái/Bộ	02		
Tổng cộng phương án 2						

Bảng chữ:

Giá chào của cả hai phương án đã bao gồm thuế, phí, khảo sát, vật liệu, phụ kiện, gia công, vận chuyển, bóc xếp, lắp đặt, thử kín, thử thoát, hướng dẫn sử dụng, bảo hành và toàn bộ chi phí để bàn giao sản phẩm hoàn chỉnh tại Bệnh viện. Hiệu lực báo giá: tối thiểu 45 ngày kể từ ngày ký văn bản này.

V. CAM KẾT CỦA NHÀ CUNG CẤP

1. Cung cấp, gia công, lắp đặt hàng hóa đúng bản vẽ thiết kế, đúng vật liệu, độ dày, kích thước, cấu tạo, phụ kiện và yêu cầu kỹ thuật đã chào.
2. Không sử dụng inox 201 hoặc vật liệu mạ để thay thế vật liệu đã chào; chịu trách nhiệm nếu vật liệu, độ dày, cấu tạo hoặc chất lượng thực tế không đúng cam kết.
3. Hoàn thành gia công, giao hàng, lắp đặt, thử kín, thử thoát và bàn giao đưa vào sử dụng trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
4. Không yêu cầu tạm ứng, không yêu cầu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; chấp nhận thanh toán sau khi hàng hóa được nghiệm thu hoàn thành, Bệnh viện nhận đủ hóa đơn, biên bản nghiệm thu và hồ sơ bàn giao hợp lệ.
5. Bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng; khắc phục miễn phí các lỗi do vật liệu, gia công, mối hàn, lắp đặt, rò rỉ, thoát nước hoặc lỗi kỹ thuật thuộc trách nhiệm của Nhà cung cấp.
6. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ thông tin, tài liệu trong Hồ sơ đề xuất; không thông đồng, dàn xếp giá hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục II**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA LAVABO INOX**

(Kèm theo Thông báo mời Nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất)

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN
PHỤ SẢN TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HĐ-BVPSTG

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA**Mua lavabo inox cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08/4/2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Thông báo số /TB-BVPSTG ngày / /2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc mời Nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất gói mua lavabo inox cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

Căn cứ Hồ sơ đề xuất và báo giá ngày / /2026 của

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ngày / /2026 giữa Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang và

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BVPSTG ngày / /2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp;

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, chúng tôi gồm:

Bên mua hàng (Bên A): Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện: Ông/Bà; Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 02733 887 160. Mã số thuế: 1200530091.

Tài khoản số: tại Ngân hàng

Bên bán hàng (Bên B):

Địa

chỉ:

.....

Đại diện: Ông/Bà; Chức vụ:

Điện thoại:; Mã số thuế:

Tài khoản số: tại Ngân hàng

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Hàng hóa, số lượng và phạm vi cung cấp

1.1. Bên B cung cấp, gia công, vận chuyển, lắp đặt và bàn giao cho Bên A 02 cái/bộ lavabo inox hai bồn rửa kèm mặt bàn thao tác cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

1.2. Hàng hóa được cung cấp theo phương án đã được Bên A phê duyệt tại Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp, Hồ sơ đề xuất, báo giá, Biên bản thương thảo và Hồ sơ thiết kế kỹ thuật đính kèm Hợp đồng.

1.3. Phạm vi cung cấp bao gồm: khảo sát hiện trường, gia công, vật liệu, phụ kiện, bộ xả, ống và phụ kiện thoát phù hợp, vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, cân chỉnh, thử kín, thử thoát, vệ sinh hoàn thiện, hướng dẫn sử dụng và bàn giao hồ sơ.

Điều 2. Yêu cầu chất lượng và nghiệm thu

2.1. Bên B phải cung cấp hàng hóa đúng loại inox, độ dày, kích thước, cấu tạo, phụ kiện, mối hàn, bề mặt hoàn thiện, khung xương, hệ thoát nước và các yêu cầu kỹ thuật đã cam kết.

2.2. Không được sử dụng inox 201 hoặc vật liệu mạ để thay thế vật liệu đã chào; không được tự ý thay đổi vật liệu, độ dày, kích thước, vị trí bồn, khung xương, phụ kiện hoặc cấu tạo khi chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

2.3. Trước khi gia công, Bên B phải khảo sát vị trí lắp đặt, xác nhận kích thước thực tế, cao độ cấp - thoát nước, vị trí vòi, lối vận chuyển và các điều kiện liên quan. Nếu cần điều chỉnh kỹ thuật nhỏ để phù hợp hiện trường, hai bên phải lập biên bản xác nhận trước khi thực hiện.

2.4. Hàng hóa chỉ được nghiệm thu khi đáp ứng yêu cầu: đúng kích thước và dung sai; khung vững chắc, không rung, không cập kênh; mối hàn kín, đều, không rỗ, nứt, cháy, cạnh sắc; bề mặt sạch, đồng nhất, không móp hoặc xước sâu; thử kín từng bồn tối thiểu 60 phút không rò rỉ; thử thoát đồng thời không trào ngược, không đọng bất thường.

2.5. Hồ sơ bàn giao gồm: biên bản giao nhận, nghiệm thu; hóa đơn hợp lệ; tài liệu/chứng từ thể hiện vật liệu inox đã sử dụng hoặc cam kết vật liệu; hướng dẫn vệ sinh, bảo trì; phiếu bảo hành và tài liệu khác nếu Bên A yêu cầu hợp lý.

Điều 3. Giá trị hợp đồng và thanh toán

3.1. Giá trị Hợp đồng: đồng (Bằng chữ:).

3.2. Giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế, phí, vật liệu, phụ kiện, gia công, vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, thử kín, thử thoát, bảo hành và toàn bộ chi phí để bàn giao hàng hóa hoàn chỉnh tại Bệnh viện.

3.3. Hợp đồng không thực hiện tạm ứng. Bên A thanh toán 100% giá trị Hợp đồng sau khi hàng hóa được giao, lắp đặt, nghiệm thu hoàn thành, Bên A nhận đủ hóa đơn và hồ sơ thanh toán hợp lệ.

3.4. Bên A không yêu cầu Bên B nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với gói mua sắm này.

3.5. Phương thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản của Bên B ghi tại Hợp đồng này.

Điều 4. Tiến độ thực hiện

4.1. Bên B phải hoàn thành toàn bộ việc khảo sát, gia công, giao hàng, lắp đặt, thử kín, thử thoát, vệ sinh hoàn thiện và bàn giao đưa vào sử dụng trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

4.2. Trường hợp chậm tiến độ do lỗi của Bên B, Bên A có quyền yêu cầu Bên B khẩn trương khắc phục, phạt chậm tiến độ 0,05% giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm, nhưng tổng mức phạt không vượt quá 8% giá trị Hợp đồng.

4.3. Trường hợp Bên B chậm tiến độ quá 03 ngày so với thời hạn cam kết hoặc không còn khả năng thực hiện, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng, lựa chọn đơn vị khác thực hiện và yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại thực tế nếu có.

Điều 5. Bảo hành và khắc phục lỗi

5.1. Thời hạn bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

5.2. Trong thời hạn bảo hành, Bên B phải sửa chữa, khắc phục hoặc thay thế miễn phí các lỗi do vật liệu, gia công, mối hàn, lắp đặt, rò rỉ, thoát nước, cong vênh, khung không ổn định hoặc lỗi kỹ thuật thuộc trách nhiệm của Bên B.

5.3. Bên B phải phản hồi trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận thông báo lỗi của Bên A và có mặt xử lý trong vòng 48 giờ đối với lỗi ảnh hưởng đến việc sử dụng; thời gian khắc phục không quá 03 ngày làm việc, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

6.1. Yêu cầu Bên B cung cấp hàng hóa đúng Hợp đồng, báo giá, Hồ sơ đề xuất, bản vẽ thiết kế, tiến độ và cam kết chất lượng.

6.2. Kiểm tra, giám sát quá trình khảo sát, lắp đặt, thử kín, thử thoát và nghiệm thu hàng hóa; từ chối nghiệm thu đối với hàng hóa không đúng vật liệu, độ dày, kích thước, cấu tạo, chất lượng hoặc không đạt yêu cầu sử dụng.

6.3. Thanh toán cho Bên B theo Điều 3 sau khi hàng hóa được nghiệm thu hoàn thành và nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

7.1. Cung cấp hàng hóa đúng chất lượng, vật liệu, độ dày, kích thước, cấu tạo, phụ kiện, tiến độ, bảo hành và các nội dung đã cam kết.

7.2. Tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động, dụng cụ thi công, vận chuyển, lắp đặt; không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của Bên A và phải khắc phục mọi hư hỏng, thiệt hại do lỗi của Bên B gây ra.

7.3. Không chuyển giao nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng cho đơn vị khác nếu chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

7.4. Cung cấp đầy đủ hóa đơn, hồ sơ bàn giao, hướng dẫn sử dụng, bảo trì và phiếu bảo hành theo yêu cầu của Hợp đồng.

Điều 8. Vi phạm hợp đồng và chấm dứt hợp đồng

8.1. Trường hợp hàng hóa không đúng vật liệu, độ dày, kích thước, cấu tạo, chất lượng hoặc không đạt nghiệm thu, Bên A có quyền yêu cầu Bên B sửa chữa, thay thế, gia công lại hoặc từ chối nhận hàng mà không thanh toán phần không đạt yêu cầu.

8.2. Trường hợp Bên B cung cấp thông tin, tài liệu, cam kết không trung thực hoặc tự ý thay đổi vật liệu, độ dày, cấu tạo, phụ kiện làm ảnh hưởng đến chất lượng, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng, không thanh toán phần chưa nghiệm thu và yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế nếu có.

8.3. Hai bên có thể chấm dứt Hợp đồng khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, theo thỏa thuận bằng văn bản hoặc trong các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Điều 9. Điều khoản chung

9.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

9.2. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải lập thành văn bản, có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai bên.

9.3. Tranh chấp phát sinh được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng; trường hợp không giải quyết được thì đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Tháp để giải quyết theo quy định pháp luật.

9.4. Hợp đồng được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục III**HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT - GIA CÔNG LAVABO INOX HAI BỒN RỬA
CHÍNH THỨC**

Mã hồ sơ: LVB-2500-02B | Rev. 02 | Ngày lập: 19/8/2026

Bản vẽ thiết kế chính thức dưới đây là tài liệu đính kèm Thông báo, là cơ sở để Nhà cung cấp khảo sát, báo giá, gia công, lắp đặt và để Bệnh viện kiểm tra, nghiệm thu. Hai bộ lavabo đặt đối xứng nhau; không khoan lỗ gắn vòi nước trên mặt lavabo. Trước khi gia công, Nhà cung cấp được lựa chọn phải khảo sát hiện trường, xác nhận kích thước thực tế, cao độ cấp - thoát nước, phương án vòi gắn tường và các nội dung cần xác nhận theo Hồ sơ thiết kế.

HỒ SƠ THIẾT KẾ GIA CÔNG LAVABO HAI BỒN | MẶT/BỒN SUS 316L - KHUNG SUS 304

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TIỀN GIANG

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT - GIA CÔNG LAVABO INOX HAI BỒN RỬA

MẶT VÀ BỒN SUS 316L - KHUNG SUS 304

Kích thước tổng thể 2500 x 600 x 850 mm



Lưu ý: Hai bộ lavabo này đặt đối xứng nhau; không khoan lỗ gắn vòi nước

HỒ SƠ THIẾT KẾ GIA CÔNG LAVABO HAI BỒN | MẶT/BỒN SUS 316L - KHUNG SUS 304

PHỐI CẢNH TRỰC ĐO PHƯƠNG ÁN 2 BỒN - KHUNG HỖ PHÍA DƯỚI



Hình 1. Phối cảnh 3D phương án thiết kế

NỘI DUNG	THÔNG TIN
Mã hồ sơ	LVB-2500-02B
Tình trạng	Bản thiết kế kỹ thuật phục vụ xác nhận, báo giá và gia công
Vật liệu	Vùng tiếp xúc hóa chất: SUS 316L; khung/xương: SUS 304
Ngày lập	19/08/2026
Phiên bản	Rev. 02

Điều kiện phát hành: Đơn vị gia công phải khảo sát vị trí lắp đặt, xác nhận cao độ cấp - thoát nước, vị trí vòi và kích thước thực tế trước khi cắt vật tư.

1. PHẠM VI VÀ CƠ SỞ THIẾT KẾ

Hồ sơ quy định kích thước, cấu tạo, vật liệu, yêu cầu gia công, lắp đặt và nghiệm thu đối với 01 lavabo gồm 02 bồn rửa sâu, mặt bàn thao tác bên phải và hệ khung xương hờ phía dưới. Phần tiếp xúc hóa chất dùng SUS 316L; toàn bộ khung chịu lực dùng SUS 304.

1.1. Thông số hình học đã chốt

STT	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC / VỊ TRÍ (mm)
1	Kích thước tổng thể	Dài 2500; rộng 600; cao mặt bàn 850
2	Số lượng	02 bộ (mỗi bộ có 02 bồn rửa)
3	Kích thước lọt lòng mỗi bồn rửa	700 x 500 x 400 (dài x rộng x sâu)
4	Vị trí bồn rửa 1	Từ trục X = 100 đến X = 800
5	Vị trí bồn rửa 2	Từ trục X = 1000 đến X = 1700
6	Khoảng cách giữa hai bồn rửa	200
7	Mặt bàn thao tác bên phải	Chiều dài hữu ích 800
8	Mép trước/sau bồn	50 / 50

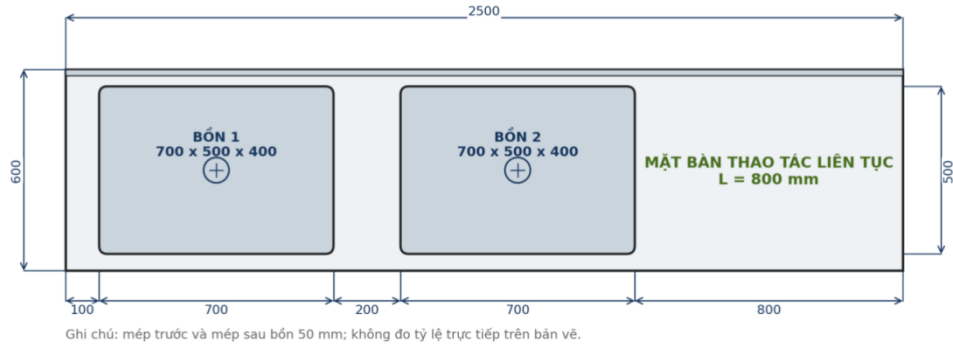
1.2. Thông số thiết kế đề xuất

- Cao độ mặt bàn hoàn thiện: 850 mm; chân tăng chỉnh cho phép cân bằng ± 20 mm.
- Tấm mặt bàn, thành/đáy bồn và gờ chắn: SUS 316L dày 1,2 mm; bề mặt xước No.4, $Ra \leq 0,8 \mu m$, ưu tiên $Ra \leq 0,5 \mu m$.
- Khung viền, chân, khung phụ và toàn bộ xương giằng: hộp SUS 304 40 x 40 x 1,2 mm; không dùng loại 30 x 30.
- Gờ chắn nước cao 40 mm chạy liên tục toàn bộ cạnh sau và 02 cạnh đầu; mép trước và các đầu tấm gấp kín, bo an toàn R3-R5.
- Mỗi bồn dùng bộ xả SUS 316L Ø90; ống thoát nhánh D60, có bẫy nước và đoạn nối tháo được để vệ sinh.
- Không khoan lỗ vòi trên mặt bàn trong phương án này; ưu tiên vòi gắn tường. Vị trí chờ cấp nước xác nhận tại hiện trường.

Điều kiện tương thích hóa chất: Trước khi sản xuất phải cung cấp danh mục hóa chất, nồng độ, nhiệt độ và thời gian ngâm để đối chiếu khả năng chịu ăn mòn của SUS 316L, gioăng, keo và đường ống. SUS 316L không mặc nhiên phù hợp với mọi hóa chất, đặc biệt môi trường chloride/clo hoặc acid đậm đặc.

Lưu ý kỹ thuật: Các kích thước ghi trên bản vẽ được ưu tiên hơn hình phối cảnh. Không lấy kích thước bằng cách đo tỷ lệ trên hình ảnh.

HỒ SƠ THIẾT KẾ GIA CÔNG LAVABO HAI BỒN | MẶT/BỒN SUS 316L - KHUNG SUS 304

2. BẢN VẼ MẶT BẰNG VÀ BỐ TRÍ CÔNG NĂNG**MẶT BẰNG BỐ TRÍ BỒN RỬA - KÍCH THƯỚC ĐƠN VỊ: mm****Bản vẽ 01 - Mặt bằng bố trí hai bồn và mặt bàn thao tác**

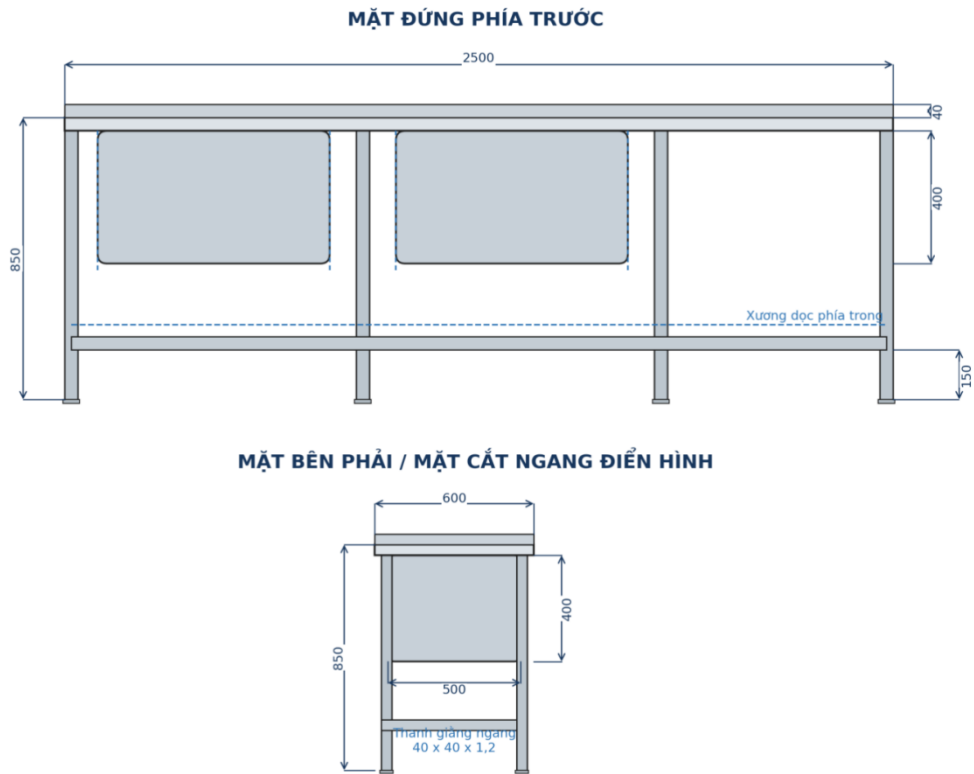
Chuỗi kích thước theo chiều dài: $100 + 700 + 200 + 700 + 800 = 2500$ mm. Bồn thứ hai được bố trí từ X=1000 đến X=1700, gần hàng xương giữa; phần bên phải tạo thành mặt bàn thao tác liên tục dài 800 mm.

2.1. Yêu cầu cấu tạo mặt bàn và bồn

- Mặt bàn phải liền tấm theo khả năng vật tư; nếu bắt buộc nối, vị trí nối đặt ngoài phạm vi hai bồn và phải hàn TIG kín liên tục.
- Bồn góc trong của bồn bo R20-R30 để vệ sinh thuận lợi; đáy bồn tạo dốc tối thiểu 2% về tâm thoát.
- Mép tiếp giáp giữa mặt bàn và thành bồn hàn kín; sau mài không được lộ khe, rỗ khí hoặc cạnh sắc.
- Mặt bàn khu vực bên phải bảo đảm phẳng, không võng; sai lệch độ phẳng không quá 2 mm trên chiều dài 1000 mm.

3. MẶT ĐỨNG, MẶT BÊN VÀ CAO ĐỘ

HỒ SƠ THIẾT KẾ GIA CÔNG LAVABO HAI BỒN | MẶT/BỒN SUS 316L - KHUNG SUS 304



Bản vẽ 02 - Mặt đứng phía trước và mặt cắt ngang điển hình

3.1. Cao độ chính

STT	VỊ TRÍ	CAO ĐỘ / KÍCH THƯỚC (mm)
1	Mặt sàn hoàn thiện đến mặt bàn	850 ± 20
2	Chiều sâu bồn	400
3	Đáy bồn đến sàn (danh nghĩa)	410
4	Thanh giằng dưới đến sàn	150
5	Gờ chắn nước phía sau	40
6	Chiều cao diềm mặt bàn	40

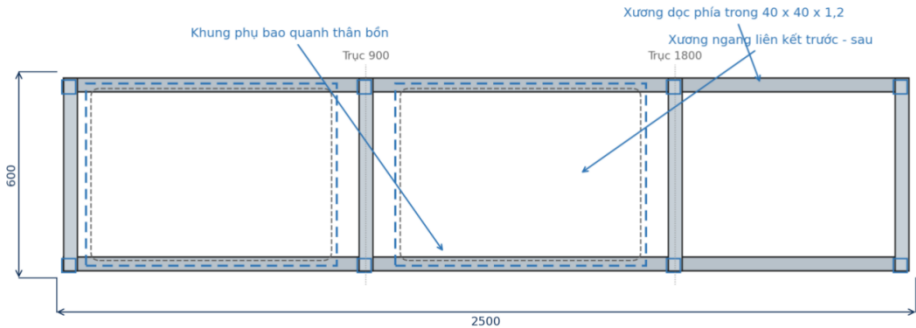
3.2. Nguyên tắc sử dụng

- Không bố trí tấm đáy hoặc tủ kín bên dưới nhằm bảo đảm quan sát, vệ sinh và tiếp cận hệ thống thoát nước.
- Khoảng trống dưới mặt bàn bên phải phải thông thoáng; không để thanh giằng hoặc đầu vít nhô vào vùng thao tác.
- Nếu công trình yêu cầu chống lật, bổ sung tối thiểu 02 pát inox 304 liên kết mặt sau với tường; vị trí khoan xác định sau khảo sát.

HỒ SƠ THIẾT KẾ GIA CÔNG LAVABO HAI BỒN | MẶT/BỒN SUS 316L - KHUNG SUS 304

4. BẢN VẼ KHUNG XƯƠNG PHÍA DƯỚI

SƠ ĐỒ KHUNG XƯƠNG PHÍA DƯỚI - NHÌN TỪ TRÊN XUỐNG



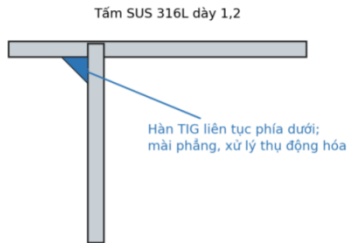
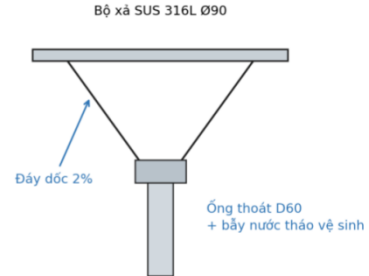
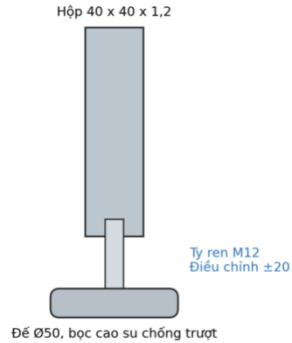
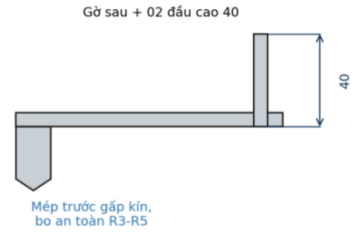
Bản vẽ 03 - Khung xương phía dưới nhìn từ trên xuống

4.1. Cấu tạo bắt buộc

MÃ	CẤU KIỆN	QUY CÁCH (mm)	YÊU CẦU
K1	Khung viền mặt bàn	Hộp 40 x 40 x 1,2	Chạy quanh chu vi; đỡ trực tiếp mặt bàn
K2	Chân đứng	Hộp 40 x 40 x 1,2	08 chân tại các trục X=0; 900; 1800; 2500, hàng trước và hàng sau
K3	Xương dọc dưới phía trước	Hộp 40 x 40 x 1,2	Cao độ +150; liên kết liên tục giữa các chân
K4	Xương dọc dưới phía trong	Hộp 40 x 40 x 1,2	Song song K3 ở hàng chân sau; bắt buộc thể hiện và gia công đủ
K5	Xương ngang trước - sau	Hộp 40 x 40 x 1,2	Tại mỗi trục chân; khóa cứng khung và chống xoắn
K6	Khung phụ đỡ bồn	Hộp 40 x 40 x 1,2	Bao quanh thân mỗi bồn, không giao cắt với thành hoặc đáy bồn

Điểm kiểm tra trọng yếu: Phải có đủ xương dọc phía trong và các thanh ngang nối hàng xương trước - sau. Không chấp nhận khung chỉ có thanh mặt trước hoặc khung bị ngắt quãng tại vùng hai bồn.

HỒ SƠ THIẾT KẾ GIA CÔNG LAVABO HAI BỒN | MẶT/BỒN SUS 316L - KHUNG SUS 304

5. CHI TIẾT GIA CÔNG ĐIỂN HÌNH**D1 - LIÊN KẾT MẶT BÀN / THÀNH BỒN****D2 - CHI TIẾT THOÁT NƯỚC****D3 - CHÂN TẮNG CHỈNH****D4 - GỜ CHẮN NƯỚC / MÉP AN TOÀN**

Bản vẽ 04 - Chi tiết mối hàn, thoát nước, chân tăng chỉnh và gờ chắn

5.1. Yêu cầu hàn và hoàn thiện

- Hàn TIG bằng vật liệu hàn tương thích vật liệu nền; mối hàn tại mặt/bồn SUS 316L dùng vật liệu hàn phù hợp 316L và phải kín liên tục, không hàn đỉnh rời rạc.
- Sau hàn phải làm sạch xỉ, mài phẳng, tẩy màu nhiệt và xử lý thụ động hóa; hướng xước hoàn thiện đồng nhất với tấm nền.
- Không được cháy thùng, cong vênh, rỗ khí, nứt, lẹm cạnh; mặt ngoài không có vết búa, lõm hoặc xước sâu.
- Đầu hộp phải bịt kín bằng inox cùng loại; không dùng nắp nhựa tại vùng thường xuyên vệ sinh ướt.

HỒ SƠ THIẾT KẾ GIA CÔNG LAVABO HAI BỒN | MẶT/BỒN SUS 316L - KHUNG SUS 304

5.2. Yêu cầu thoát nước

- Tâm thoát đặt giữa mỗi bồn; bộ xả SUS 316L Ø90 có lưới lọc rác tháo được, gioăng tương thích hóa chất sử dụng và đai siết chống xoay.
- Hai nhánh thoát có thể gom vào ống chính sau bể nước nếu hiện trường phù hợp; phải chừa khớp nối tháo lắp để vệ sinh.
- Toàn bộ đường ống phải có độ dốc tối thiểu 1%; không để điểm vồng giữ nước hoặc va chạm xương khung.

6. BẢNG VẬT TƯ VÀ PHỤ KIỆN

STT	VẬT TƯ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG	PHẠM VI SỬ DỤNG
1	Inox tấm SUS 316L No.4	dày 1,2 mm; Ra ≤0,8 μm	Theo triển khai cắt	Mặt bàn, thành/đáy 02 bồn, gờ chắn
2	Hộp inox SUS 304	40 x 40 x 1,2 mm	Theo bóc tách	Khung viền, 08 chân, mọi xương và khung phụ
3	Bộ chân tăng chỉnh	M12; đế Ø50	08 bộ	Inox, có đệm cao su chống trượt
4	Bộ xả bồn	SUS 316L Ø90	02 bộ	Có lưới lọc rác tháo vệ sinh
5	Ống và phụ kiện thoát	D60	Theo hiện trường	Có bể nước, rắc co/khớp tháo
6	Pát chống lật (nếu cần)	Inox 304 dày ≥2,0	02-04 cái	Liên kết tường sau khảo sát
7	Vật liệu hàn	Phù hợp 316L/304 theo vị trí	Đủ dùng	Hàn TIG, khí bảo vệ tinh khiết

Ghi chú bóc tách: đơn vị gia công lập bản triển khai cắt tấm, tối ưu khổ vật tư và trình xác nhận trước khi sản xuất hàng loạt. Hao hụt vật tư do phương án cắt thuộc trách nhiệm của đơn vị gia công.

7. DUNG SAI CHẾ TẠO VÀ YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG

NỘI DUNG KIỂM TRA	MỨC CHẤP NHẬN
Kích thước tổng thể	±3 mm
Kích thước lọt lòng bồn	±2 mm
Chênh lệch hai đường chéo khung	≤3 mm
Độ phẳng mặt bàn	≤2 mm/1000 mm

HỒ SƠ THIẾT KẾ GIA CÔNG LAVABO HAI BỒN | MẶT/BỒN SUS 316L - KHUNG SUS 304

NỘI DUNG KIỂM TRA	MỨC CHẤP NHẬN
Độ vuông góc chân với mặt bàn	Sai lệch ≤ 2 mm/850 mm
Độ kín bồn và mối hàn	Không rò rỉ, không thấm, không đọng nước bất thường
Cạnh sắc	Không cho phép tại mọi vị trí người sử dụng có thể tiếp xúc

8. TRÌNH TỰ GIA CÔNG, LẮP ĐẶT VÀ NGHIỆM THU**8.1. Trước khi gia công**

- Khảo sát lối vận chuyển, vị trí đặt thiết bị, mặt sàn, tường sau, cao độ cấp - thoát nước và không gian bảo trì.
- Lập bản vẽ triển khai shop-drawing thể hiện kích thước cắt tẩm, vị trí mối nối, sơ đồ xương và chi tiết cấp - thoát nước; trình xác nhận trước khi cắt.
- Kiểm tra chứng chỉ/nguồn gốc SUS 316L cho phần tiếp xúc hóa chất và SUS 304 cho khung; kiểm tra chiều dày thực tế, không thay bằng SUS 201 hoặc vật liệu mạ.

8.2. Trong quá trình gia công

- Gia công bồn bằng chấn/gấp và hàn kín; kiểm soát biến dạng nhiệt bằng trình tự hàn đối xứng.
- Lắp thử khung xương, kiểm tra vuông góc và độ phẳng trước khi liên kết mặt bàn.
- Bảo vệ bề mặt bằng màng; không dùng đá mài hoặc bàn chải đã tiếp xúc thép carbon để tránh nhiễm sắt.

8.3. Lắp đặt tại hiện trường

- Đặt lavabo đúng vị trí, cân chỉnh toàn bộ chân; mặt bàn phải ổn định, không cập kênh.
- Đầu nối thoát nước bằng liên kết tháo được; thử xả từng bồn và xả đồng thời hai bồn.
- Bơm keo silicone trung tính chuyên dụng tại vị trí tiếp giáp tường nếu lavabo kê sát tường; đường keo đều và dễ vệ sinh.
- Tháo màng bảo vệ, làm sạch bằng hóa chất phù hợp inox. Sau mỗi lần ngâm hóa chất phải xả hết dung dịch, rửa nước sạch và làm khô; không để hóa chất chứa chloride/clo lưu đọng kéo dài.

8.4. Kiểm tra nghiệm thu

STT	HẠNG MỤC	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ
1	Hình học	Đúng kích thước, vị trí bồn, cao độ và dung sai quy định	☐ Đạt ☐ Không đạt
2	Khung xương	Đủ xương trước, xương trong, xương ngang và khung phụ đỡ bồn	☐ Đạt ☐ Không đạt
3	Ổn định	Không rung, không cập kênh, chân tăng chỉnh khóa	☐ Đạt ☐ Không đạt

Trang 10 của Hồ sơ thiết kế chính thức

HỒ SƠ THIẾT KẾ GIA CÔNG LAVABO HAI BỒN | MẶT/BỒN SUS 316L - KHUNG SUS 304

STT	HẠNG MỤC	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ
		chắc	
4	Mối hàn	Kín, đều, mài hoàn thiện; không rỉ, nứt, cháy hoặc cạnh sắc	☐ Đạt ☐ Không đạt
5	Thử kín	Ngâm đầy từng bồn tối thiểu 60 phút; không rò rỉ	☐ Đạt ☐ Không đạt
6	Thử thoát	Xả đồng thời; thoát nhanh, không trào ngược, không đọng bất thường	☐ Đạt ☐ Không đạt
7	Bề mặt	Sạch, đồng nhất, không móp hoặc xước sâu	☐ Đạt ☐ Không đạt

Hồ sơ bàn giao: Bản vẽ hoàn công; biên bản thử kín và thử thoát; chứng từ SUS 316L và SUS 304; biên bản tẩy màu nhiệt/thụ động hóa; hướng dẫn vệ sinh - bảo trì; phiếu bảo hành.

9. CÁC NỘI DUNG PHẢI XÁC NHẬN TRƯỚC KHI SẢN XUẤT

STT	NỘI DUNG	XÁC NHẬN
1	Cao độ mặt bàn 850 mm có phù hợp người sử dụng thực tế không?	☐ Đồng ý ☐ Điều chỉnh:
2	Vòi gắn tường hay gắn trên mặt bàn?	☐ Gắn tường ☐ Gắn bàn
3	Vị trí và đường kính chờ cấp - thoát nước	Đã khảo sát ngày:
4	Có yêu cầu pat neo chống lật vào tường không?	☐ Có ☐ Không
5	Hướng đặt lavabo và khoảng hở bảo trì	☐ Đã xác nhận

10. NHẬT KÝ HIỆU CHÍNH HỒ SƠ

REV.	NGÀY	NỘI DUNG HIỆU CHÍNH	NGƯỜI XÁC NHẬN
02	19/08/2026	Cập nhật L=2500; bồn cách 200; mặt/bồn SUS 316L; toàn bộ khung 40x40 SUS 304	
....	.../.../.....		

11. KÝ XÁC NHẬN TRƯỚC KHI GIA CÔNG

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	NGƯỜI KIỂM TRA KỸ THUẬT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIA CÔNG
Ký, ghi rõ họ tên	Ký, ghi rõ họ tên	Ký, ghi rõ họ tên

Sau khi các bên ký xác nhận, mọi thay đổi về kích thước, vật liệu, vị trí bồn hoặc khung xương phải được lập thành nội dung hiệu chỉnh và cập nhật số phiên bản trước khi gia công.